

Bản án số: **37 /2017/HNGĐ-ST.**

Ngày: 18 - 8 - 2017.

V/v tranh chấp: *Ly hôn, nuôi con giữa anh G và chị M.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM- TỈNH LÂM ĐỒNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**- Thẩm phán
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  - Ông **Bùi Xuân Quý**
  - Bà **Phan Thị Hà**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày **18** tháng **8** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 82/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng G** sinh năm: 1986  
Địa chỉ cư trú: Xóm 5- Thôn 11- xã L- huyện B- tỉnh Lâm Đồng.
- *Bị đơn:* Chị **Hồ Thị Tuyết M** sinh năm: 1980  
Địa chỉ cư trú: Xóm 5- Thôn 11- xã L- huyện B- tỉnh Lâm Đồng.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phạm Thị H** sinh năm: 1965  
Địa chỉ cư trú: Xóm 5- Thôn 11- xã L- huyện B- tỉnh Lâm Đồng.

(*Anh G, bà H có mặt tại phiên tòa;  
Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng G và bị đơn chị Hồ Thị Tuyết M trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh G và chị M tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 12/01/2007, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Anh G và chị M đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có tình cảm do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống; mặc dù đã được gia đình và bà con hàng xóm hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được hạnh phúc. Anh G và chị M hiện đã sống ly thân với nhau từ tháng 04/2016 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Anh G và chị

M đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh G và chị M đều yêu cầu được ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Xuân L1, sinh ngày 15/9/2003 và Nguyễn Tiểu L2, sinh ngày 12/02/2007. Khi ly hôn, anh G và chị M thống nhất giao 02 con chung cho anh G có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản*: Anh G và chị M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về các khoản nợ*:

+ Vợ chồng có nhờ cha mẹ của anh G là ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị L đứng ra vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh L Nam Lâm Đồng số tiền 400.000.000đ. Vợ chồng anh G và chị M thỏa thuận giao tài sản chung cho anh G và anh G có trách nhiệm trả số nợ này cho ông C, bà L. Vợ chồng ông C, bà L đồng ý và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Khoản nợ bà Phạm Thị H 20.000.000đ, vay ngày 21/4/2016, chị M cho rằng đây là khoản tiền anh G vay để sử dụng vào mục đích riêng nên anh G phải có trách nhiệm trả lại tiền gốc + lãi cho bà H.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:*

Xóm 5, Thôn 11, xã L, huyện B xây dựng một tổ đoàn kết do bà H làm Tổ trưởng. Mục đích là giúp đỡ nhau xây dựng và phát triển kinh tế. Bà H đã tình nguyện vay vốn ngân hàng về giúp đỡ anh em lấy vốn làm ăn trong đó vợ chồng anh G, chị M vay 20.000.000đ vào ngày 21/4/2016, lãi suất 1,05%/tháng. Khi nhận tiền thì do chị M đi vắng nên anh G đã ký nhận tiền. Nhưng từ khi vay đến nay anh G không trả cả gốc và lãi. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu anh G phải trả số tiền vay 20.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất 1,05%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày vay 21/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh G; xử cho anh G được ly hôn với chị M;

- Về con chung: giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Xuân L1, sinh ngày 15/9/2003 và Nguyễn Tiểu L2, sinh ngày 12/02/2007 cho anh G có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản: vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- Về nợ: Buộc anh G phải trả cho bà H số tiền gốc 20.000.000đ và tính lãi theo quy định của pháp luật;

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

**- Về tố tụng:** Anh Nguyễn Hoàng G có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” với chị Hồ Thị Tuyết M. Bà Phạm Thị H yêu cầu anh Nguyễn Hoàng G phải trả số tiền vay là 20.000.000đ và tính lãi theo thỏa thuận là 1,05%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày vay 21/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Hồ Thị Tuyết M vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Hồ Thị Tuyết M là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**- Về nội dung:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh G và chị M tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 12/01/2007, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị M là hoàn toàn hợp pháp.

Anh G và chị M đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có tình cảm do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống; mặc dù đã được gia đình và bà con hàng xóm hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được hạnh phúc. Anh G và chị M hiện đã sống ly thân với nhau từ tháng 04/2016 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Anh G và chị M đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh G và chị M đều yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G; Xử cho anh G và chị M được ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Xuân L1, sinh ngày 15/9/2003 và Nguyễn Tiểu L2, sinh ngày 12/02/2007. Khi ly hôn, anh G và chị M thống nhất giao 02 con chung cho anh G có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Việc thỏa thuận giao con giữa anh G và chị M là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thỏa thuận này. Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Xuân L1, sinh ngày 15/9/2003 và Nguyễn Tiểu L2, sinh ngày 12/02/2007 cho anh G có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

*Về cấp dưỡng:* Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh G không yêu cầu nên chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản:* Anh G và chị M tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về các khoản nợ:*

+ Vợ chồng có nhờ cha mẹ của anh G là ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị L đứng ra vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh L Nam Lâm Đồng số tiền 400.000.000đ. Vợ chồng anh G và chị M thỏa thuận giao tài sản chung cho anh G và anh G có trách nhiệm trả số nợ này cho ông C, bà L.

Vợ chồng ông C, bà L đồng ý và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đối với khoản nợ vay của bà Phạm Thị H 20.000.000đ, vay ngày 21/4/2016, chị M cho rằng đây là khoản tiền anh G vay để sử dụng vào mục đích riêng nên anh G phải có trách nhiệm trả lại tiền gốc + lãi cho bà H. Căn cứ vào giấy biên nhận tiền ngày 21/4/2016 thì chỉ có một mình anh G ký nhận tiền và anh G cũng thừa nhận anh là người trực tiếp nhận số tiền 20.000.000đ do bà H giao. Vì vậy, bà H yêu cầu anh G phải chịu trách nhiệm trả số tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi 1,05%/tháng tính từ ngày vay 21/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 15 tháng 27 ngày thành tiền là 3.339.000đ là hoàn toàn đúng pháp luật. Tổng cộng cả gốc và lãi là 23.339.000đ. Vì vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H; Buộc anh G phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 23.339.000đ, trong đó gốc là 20.000.000đ, lãi là 3.339.000đ.

*Về án phí:* Buộc anh G phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 1.166.950đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án*”.

**1/ Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng G đối với chị Hồ Thị Tuyết M về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*”.

Xử cho anh Nguyễn Hoàng G được ly hôn với chị Hồ Thị Tuyết M.

### **2/ Về con chung:**

Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Xuân L1, sinh ngày 15/9/2003 và Nguyễn Tiểu L2, sinh ngày 12/02/2007 cho anh Nguyễn Hoàng G có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Chị Hồ Thị Tuyết M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

**3/ Về tài sản:** Anh Nguyễn Hoàng G và chị Hồ Thị Tuyết M tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị H đối với anh Nguyễn Hoàng G về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.**

Anh Nguyễn Hoàng G phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị H tổng số tiền là 23.339.000đ (*Hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi chín ngàn đồng*). Trong đó: tiền gốc là 20.000.000đ, tiền lãi là 3.339.000đ.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

#### **5/ Về án phí:**

Anh Nguyễn Hoàng G phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 1.166.950đ tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số AA/2015/0004684 ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Anh Nguyễn Hoàng G còn phải nộp 1.166.950đ (*Một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 550.000đ (*Năm trăm năm mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số AA/2015/0004599 ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**6/ Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp L.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đã ký***

**Nguyễn Đức Trường**

